

Số: /BC-UBND

Ngọc Bay, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 1865/SGDĐT-QLCLGDCNTT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc phối hợp báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay báo cáo¹ như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO.

Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các trường trên địa bàn xã quán triệt và triển khai thực hiện Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” đến cán bộ, công chức, người lao động trong trường; ban hành kế hoạch chuyển đổi số hàng năm và triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học². Các trường thành lập Tổ công nghệ thông tin - chuyển đổi số, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề về sử dụng phần mềm quản lý trường học, dạy học trực tuyến, hồ sơ số và an toàn dữ liệu. Lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt tổ chuyên môn và trong công tác kiểm tra nội bộ.

II. KẾT QUẢ, KHÓ KHĂN, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo:

a. Kết quả đạt được:

Giai đoạn 2022-2025, các trường đã chú trọng đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và phần mềm phục vụ cho công tác quản lý, dạy học và chuyển đổi số. Hạ tầng kỹ thuật của nhà trường được cải thiện

¹. Phiếu chuyển tham mưu số 460/PC-VHXXH, ngày 08 tháng 11 năm 2025.

² Công văn số 573/UBND-VX, ngày 19/10/2025; Công văn 182/VHXXH-GD, ngày 04/10/2025.

đáng kể, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học và quản trị. Hiện nay, các phòng học của một số trường được trang bị máy tính, Tivi thông minh phục vụ cho giảng dạy, trình chiếu bài giảng điện tử³; 100% cán bộ, giáo viên có máy tính cá nhân phục vụ công việc chuyên môn; 100% giáo viên có đường truyền Internet ổn định tại nhà để đảm bảo tham gia hiệu quả các hoạt động dạy học trực tuyến khi cần thiết. Hệ thống Wi-Fi được đầu tư phủ kín các trường, đảm bảo kết nối đồng bộ cho các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề và quản lý hành chính điện tử.

Về thiết bị phục vụ giảng dạy môn Tin học: Các trường tiểu học, Trung học cơ sở đều đã được trang bị 01 phòng máy vi tính để bàn, đảm bảo phục vụ cho học sinh từ khối 3 đến khối 9 học môn Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Các máy tính được kết nối mạng nội bộ và Internet, thường xuyên được bảo trì, nâng cấp phần mềm và cài đặt các ứng dụng học tập cơ bản, đáp ứng yêu cầu tổ chức các tiết học thực hành.

Trong công tác quản lý và điều hành, nhà trường đã triển khai đồng bộ nhiều phần mềm quản lý dùng chung của ngành. Cụ thể: sử dụng phần mềm I-Office, Office 365 để quản lý văn bản đi - đến, hồ sơ công việc và xử lý văn bản điện tử, học bạ điện tử và thông tin học sinh. Việc ứng dụng các phần mềm này giúp giảm khối lượng hồ sơ giấy tờ, tăng tính chính xác và hiệu quả trong quản lý, đồng thời từng bước hình thành môi trường làm việc điện tử trong toàn đơn vị.

b. Khó khăn:

- Một bộ phận học sinh, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chưa có đủ thiết bị cá nhân để tham gia học trực tuyến tại nhà. Số lượng em có máy tính, đường truyền internet còn ít; một số em có điện thoại nhưng phần lớn là của bố mẹ, sử dụng 4G. Đa số thiết bị cấu hình thấp.

- Hạ tầng mạng Internet còn yếu, gây gián đoạn trong việc truy cập và khai thác tài nguyên học tập số. Ngoài ra, nguồn kinh phí đầu tư thiết bị công nghệ thông tin của nhà trường còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển mạnh mẽ về chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

- Số lượng máy tính phục vụ dạy học môn Tin học tại các trường còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu, đa số máy tính hiện đã lỗi thời về cấu hình, hư hỏng.

c. Nguyên nhân:

Đa số là người dân trên địa bàn xã Ngọc Bay còn nhiều khó khăn, đời sống kinh tế của một bộ phận người dân chưa cao. Nguồn ngân sách cấp cho trường còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư lớn về công nghệ.

d. Giải pháp:

- Từng bước nâng cấp đường truyền internet, ưu tiên hỗ trợ học sinh khó

³. Trường TH-THCS Ngọc Bay, trường TH-THCS Kroong, trường TH Cao Bá Quát, trường TH- Đặng Trần Côn.

khăn.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng kỹ năng sử dụng thiết bị, phần mềm và Internet an toàn cho giáo viên và học sinh.

2. Kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học:

a. Kết quả thực hiện:

Các trường đã triển khai, hướng dẫn giáo viên khai thác các nền tảng phục vụ dạy và học miễn phí hoặc ưu tiên cho giáo dục, thường xuyên khai thác các thông tin, tài liệu trên môi trường mạng internet (*như google, youtube...*). Các giáo viên sử dụng thành thạo ít nhất 01 nền tảng dạy trực tuyến. Khi có học sinh phải nghỉ học do thiên tai, dịch bệnh, nhà trường triển khai việc học ảo trên ứng dụng Google Meet, Zoom, MS Team, VNA-Elearning do có sự ổn định về đường truyền, có độ bảo mật cao, dễ sử dụng đối với giáo viên và học sinh. Ngoài ra, Zalo, Zoom Meeting được sử dụng để tổ chức các buổi họp chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ, sinh hoạt tổ khối và hỗ trợ giảng dạy trực tiếp với học sinh; Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom): Giáo viên gửi video bài giảng và tài liệu cho học sinh nghiên cứu trước ở nhà, thời gian trên lớp dành cho thảo luận, thực hành và giải đáp thắc mắc⁴. Song song đó, các trường tổ chức công tác bồi dưỡng giáo viên, tập huấn chuyên môn, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và năng lực số cho đội ngũ nhà giáo. Việc triển khai các nền tảng trên đã góp phần giúp giáo viên, học sinh làm quen với phương pháp dạy học hiện đại, đồng thời tăng khả năng tương tác và tính linh hoạt trong tổ chức dạy học.

Nhà trường đã triển khai rộng rãi việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên qua các nền tảng số: 100% giáo viên sử dụng Azota, Google Forms, Quizizz để tạo bài kiểm tra 15 phút, bài luyện tập, giúp giảm thời gian chấm bài và cung cấp phản hồi tức thì cho học sinh⁵. Các hoạt động khảo sát, đánh giá năng lực giáo viên cũng được thực hiện một phần trên môi trường số, bảo đảm tính khoa học, tiết kiệm thời gian và tăng hiệu quả quản lý.

Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên khai thác, sử dụng kho học liệu số của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kho học liệu K12online, và hệ thống học liệu điện tử VnEdu LMS. Các trường cũng đã tham khảo, khai thác, sử dụng bài giảng điện tử đáp ứng yêu cầu của Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử đưa lên kho học liệu số, triển khai bài giảng điện tử sử dụng thường xuyên trong quá trình dạy và học. Tăng cường xây dựng học liệu số (*bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học*), đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của tỉnh và của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá (<https://igiaoduc.vn>).

⁴. Trường TH-THCS Vinh Quang.

⁵. Trường TH-THCS Ngọc Bay; Trường Tiểu học Đặng Trần Côn

Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ động, tích cực thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số; sử dụng phần mềm, ứng dụng, video giáo dục để xây dựng hoạt động dạy học (*PowerPoint, Canvas, Google Slides, ...*). Thiết kế giáo án điện tử minh họa bằng hình ảnh, âm thanh, trò chơi, video giúp học sinh hứng thú và dễ hiểu. Tổ chức các hoạt động “Học mà chơi – Chơi mà học” có lồng ghép ứng dụng công nghệ như: xem phim hoạt hình, kể chuyện điện tử, ... Sử dụng thiết bị số như máy chiếu, ti vi, máy tính bảng trong các giờ học khám phá khoa học, nhận biết chữ số, ngôn ngữ, âm nhạc... Tích hợp công nghệ vào giáo dục kỹ năng sống, an toàn, lễ giáo, giao thông...thông qua video, ảnh...

Hiện nay, hầu hết các tiết học đều được giáo viên sử dụng công nghệ thông tin để giảng dạy. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (*thí nghiệm ảo, thí nghiệm mô phỏng, tranh ảnh điện tử, video...*) đã góp phần khắc phục tình trạng không đủ thiết bị dạy học, hoặc những thí nghiệm khó thực hiện, độc hại, thời gian kéo dài...

b. Khó khăn và nguyên nhân:

- Do điều kiện kinh phí còn hạn chế, các trường chủ yếu triển khai nền tảng dạy học trực tuyến miễn phí Google Meet, Zoom Cloud Meetings, MS Team dẫn đến việc quản lý, xây dựng kho học liệu số chưa bài bản, khoa học.

- Hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin ở các trường trên địa bàn còn hạn chế, một số nhu cầu phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục chưa đáp ứng như các công nghệ công nghệ thực tế ảo, công nghệ 3D.

- Hiện còn một số giáo viên còn hạn chế về kiến thức công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng các phần mềm, xây dựng bài giảng điện tử để phục vụ dạy học trực tuyến nên chưa đạt mục tiêu đề ra.

c. Giải pháp:

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho giáo viên, đặc biệt là giáo viên lớn tuổi, thông qua các lớp chuyên đề, hội thảo và chương trình hướng dẫn trực tuyến.

- Phân công giáo viên trẻ có năng lực công nghệ thông tin hỗ trợ, kèm cặp đồng nghiệp, hướng dẫn sử dụng phần mềm, thiết kế bài giảng điện tử và khai thác học liệu số.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, tham gia dạy học các tiết học trên nền tảng LMS giữa các trường, góp ý rút kinh nghiệm các tiết dạy có ứng dụng về dạy học trực tuyến để cùng nhau học hỏi, rút kinh nghiệm.

- Triển khai tham gia cuộc thi “Thiết kế bài giảng E-learning” của các cấp để khuyến khích giáo viên đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm.

3. Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu:

a. Kết quả đạt được:

Các trường đã triển khai áp dụng các hệ thống quản trị dựa trên cơ sở dữ liệu và công nghệ số thông qua các phần mềm quản trị phục vụ công tác quản lý như: báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số như: hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống SMAS của Bộ Giáo dục và Đào tạo...; đã triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, tận dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, zalo, ứng dụng trên thiết bị di động và website của các trường học. Đồng thời, thực hiện việc quản trị nhà trường đồng bộ, thống nhất sử dụng văn bản điện tử, hồ sơ quản lý giáo dục: Sổ theo dõi và đánh giá (*sổ điểm*) điện tử, học bạ điện tử, sổ chủ nhiệm điện tử, hoá đơn điện tử (*quản lý thu phí*), kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý thư viện, quản lý kế hoạch giáo dục, số hóa văn bằng, chứng chỉ, quản lý các kỳ thi đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời.

Hiện nay, các trường đã triển khai chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc xã là 8/8 đơn vị (*đạt tỷ lệ 100%*). Triển khai thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt; 100% các trường triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục, gồm các phân hệ: quản lý học sinh (*quản lý hồ sơ, kết quả học tập*), quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán, quản lý thư viện, quản lý công tác kiểm định chất lượng, phổ cập giáo dục và được kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

Đồng thời, các trường đã triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên; đảm bảo cơ sở dữ liệu ngành được kết nối thông suốt với các cấp, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các cơ sở dữ liệu của tỉnh và quốc gia.

b. Khó khăn và nguyên nhân:

- Một số trường chưa có nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin, dẫn đến việc quản trị hệ thống, bảo trì và xử lý sự cố kỹ thuật còn phụ thuộc nhiều vào cán bộ kiêm nhiệm⁶.

- Một số phần mềm quản lý của ngành chưa được tích hợp, liên thông hoàn toàn với nhau, gây khó khăn trong việc đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống (SMAS – CSDL – VnEdu – IOffice). Ngoài ra, việc khai thác dữ liệu phân tích chuyên sâu để phục vụ ra quyết định quản lý vẫn còn hạn chế do thiếu công cụ và kỹ năng chuyên môn.

- Một số giáo viên lớn tuổi chưa thành thạo khi thao tác trên phần mềm

⁶. Trường Tiểu học Đặng Trần Côn.

nhận xét, đánh giá học sinh, còn hạn chế về công nghệ thông tin⁷.

c. Giải pháp:

- Phân công các giáo viên trẻ, thành thạo công nghệ để trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn các giáo viên lớn tuổi.
- Triển khai việc tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng công nghệ thông tin trong thời đại số.
- Tổ chức các buổi tập huấn lại định kỳ (02 lần/năm học) về các tính năng mới hoặc các thao tác phức tạp trên hệ thống SMAS.

4. Kết quả phát triển nguồn nhân lực:

a. Kết quả thực hiện:

Các trường đã chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên về kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, khai thác dữ liệu và sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học. Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp các Mô đun của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông tự bồi dưỡng các Mô đun qua hệ thống bồi dưỡng trực tuyến LMS với sự hỗ trợ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cốt cán. Ngoài ra, các trường xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thảo luận với đồng nghiệp ở trường, cụm trường về ứng dụng công nghệ thông tin, các nội dung được học tập qua mạng và ứng dụng trong quá trình giảng dạy, quản lý và giáo viên chủ động tham gia khóa học theo nhu cầu: thiết kế bài giảng e Learning, khai thác học liệu mở, và sử dụng phần mềm kiểm tra, đánh giá trực tuyến; thiết kế bài giảng tương tác với Canva và PowerPoint, xây dựng video bài giảng bằng phần mềm Camtasia.

b. Khó khăn và nguyên nhân:

- Có trường chưa được giao nhân lực phụ trách công tác chuyển đổi số và nguồn kinh phí triển khai công tác chuyển đổi số nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn.
- Chưa tổ chức được nhiều lớp tập huấn nâng cao về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về phân tích và quản trị dữ liệu cho cán bộ quản lý, giáo viên còn chưa thường xuyên, dẫn đến việc khai thác hiệu quả các hệ thống số chưa đạt kỳ vọng.
- Nhận thức của một giáo viên về chuyển đổi số còn hạn chế, một số cán bộ quản lý đã lớn tuổi nên có nhiều hạn chế về tiếp cận công nghệ thông tin, một số cán bộ quản lý trẻ còn có sự thận trọng trong việc đổi mới.
- Thời gian dành cho việc tự học, tự bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ của giáo viên còn hạn chế do áp lực từ công tác giảng dạy, chủ nhiệm và các

⁷. Trường TH-THCS Ngọc Bay; trường TH-THCS Vĩnh Quang.

công việc không tên khác.

- Kinh phí sử dụng phần mềm ứng dụng còn hạn chế.

c. Giải pháp:

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về quản trị dữ liệu và an toàn thông tin cho cán bộ, giáo viên phụ trách công nghệ thông tin (*AI, thiết kế học liệu số, bảo mật thông tin*).

- Lồng ghép các nội dung bồi dưỡng CNTT ngắn gọn, hiệu quả vào các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ (*15-20 phút/buổi*) để giáo viên có thể tiếp cận kiến thức mới một cách thường xuyên mà không tốn quá nhiều thời gian riêng.

- Phát huy vai trò giáo viên nòng cốt chuyển đổi số hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp. Tôn vinh, khen thưởng kịp thời những giáo viên có nhiều sáng kiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ vào giảng dạy để tạo động lực lan tỏa.

- Quan tâm bố trí các nguồn kinh phí để đảm bảo việc sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý và dạy học.

III. THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2022-2025.

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu) thống kê toàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm hiện tại
1	Tiếp cận giáo dục trực tuyến	
	Số lượng nhà giáo (giáo viên) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	- Tổng số giáo viên có máy tính: 261/261, đạt tỉ lệ: 100%. - Tổng số giáo viên có đường truyền Internet: 261/261, đạt tỉ lệ: 100%.
	Người học (học sinh) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	- Tổng số học sinh có máy tính: 868/3.629, đạt tỉ lệ: 23,9%. - Tổng số học sinh có đường truyền Internet: 868/3.629, đạt tỉ lệ: 23,9%.
2	Môi trường giáo dục trực tuyến	
	Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến	- Số nền tảng: 04 (<i>K12Online, OLM.vn, Google Classroom, Zoom, Team 365, LMS</i>). - Số nền tảng là sản phẩm trong nước: 02 (<i>K12Online, OLM.vn, LMS</i>). - Số lượng học sinh tham gia sử dụng nền tảng: 848/3.629, đạt tỉ lệ: 23,4%

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu) thống kê toàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm hiện tại
3	Quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến	
	Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến	Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học chiếm 7,8%.
4	Quản lý, quản trị	
	Triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số	- Tổng số cơ sở giáo dục (THCS) đã triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số: 03/03 trường, đạt tỉ lệ: 100%
		- Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 4.860/4.860, đạt tỉ lệ: 100%
		- Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 294/294, đạt tỉ lệ: 100%
		- Số lượng các cơ sở giáo dục quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu 08/08 trường, đạt tỉ lệ: 100%

IV. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kết quả (ghi đạt/không đạt/tiến độ)
I. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học			
1	Về tiếp cận giáo dục trực tuyến	50% học sinh và 100% mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về <i>phương tiện, đường truyền, phần mềm</i>) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.	Không đạt
2	Về môi trường giáo dục trực tuyến	Triển khai thực hiện một số nền tảng dạy học trực tuyến được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng	Đạt
		Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh đáp ứng về yêu cầu tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông	Đạt

TT	Nội dung	Mục tiêu	Kết quả (ghi đạt/không đạt/tiến độ)
3	Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến	Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 10% ở cấp trung học.	Đạt
II. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục			
4	Về quản trị nhà trường	- 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó: - 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc. - 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.	Đạt
5	Về quản lý giáo dục	- Triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành Giáo dục đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thiết lập và cập nhật, khai thác hiệu quả, trong đó: - Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia. - Các cơ quan quản lý giáo dục từ cấp Sở Giáo dục và Đào tạo tới các địa phương, trường học được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại xã; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (<i>không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật</i>).	Đạt

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ. Kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh một số nội dung như sau:

- Có cơ chế, chính sách hoặc các đề án, dự án cung cấp thiết bị, phần mềm phục vụ chuyển đổi số cho các cơ sở trường ở vùng phía Tây của tỉnh và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số ngành Giáo dục.

- Ban hành quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến (*khác với học truyền thống*).

- Cần có định hướng triển khai, kiểm soát sát sao và toàn diện về học liệu số, do hiện đang có rất nhiều tình trạng về học liệu số tràn lan, thiếu tính xác thực và không được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng cũng như nội dung.

Ủy ban nhân dân xã Ngok Bay báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT.UBND xã phụ trách;
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;
- CVP, PCVP. HĐND-UBND xã;
- Các đơn vị trường học trên địa bàn;
- Lưu: VT, UB(VX).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Việt